

Tên:

Lớp: S2...

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....

Week: 6

Từ vựng & Ngữ pháp HW:



UNIT 1: A DAY AT SCHOOL

VOCABULARY & STRUCTURE REVISION

A. THEORY

I. VOCABULARY REVISION

Con truy cập link/quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

<https://on.soundcloud.com/7epkotBL677I55IIx7>



≡ Days of the week ≡

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday	Saturday	Sunday
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật

≡ Months of the year ≡

January Tháng Một	February Tháng Hai	March Tháng Ba	April Tháng Tư	May Tháng Năm	June Tháng Sáu
July Tháng Bảy	August Tháng Tám	September Tháng Chín	October Tháng Mười	November Tháng Mười Một	December Tháng Mười Hai

II. STRUCTURE REVISION & EXTENSION

When is your birthday?

It's on 5th May.

What day is it today?

It's Monday.

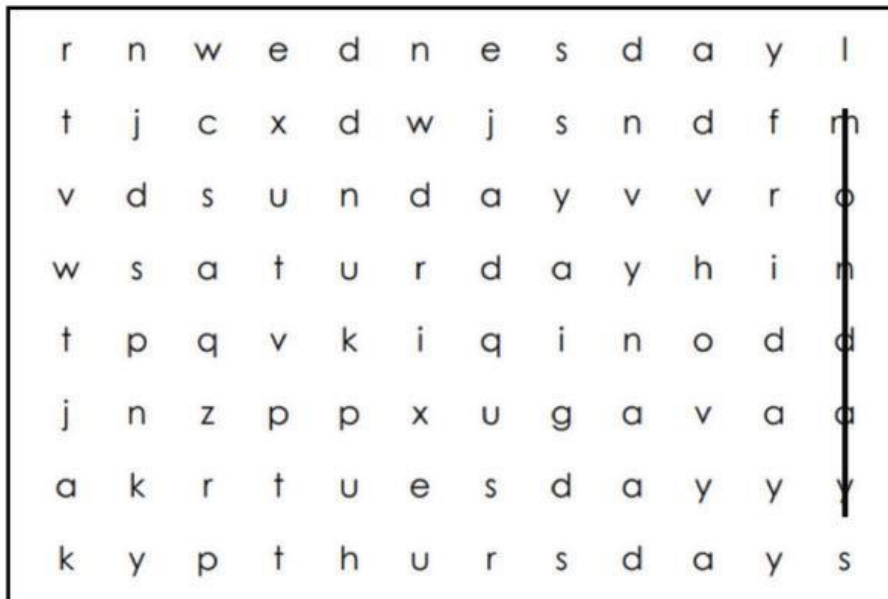
What time is it?

It's three o'clock.

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (22 questions)

I. Do the wordsearch. (Tìm từ.)



II. Months of the Year Word Scramble. (Trò chơi xếp lại chữ cái tên các tháng trong năm.)

aryaunJ	January
eruFybar	
rhMac	
pilAr	
yMa	
eunJ	
lyJu	

gsutAu _____

ptebmreSe _____

cbOtreo _____

rbevmoNe _____

cbmeDree _____

III. Reorder the words. (Sắp xếp lại từ.)

0. birthday / your / When / is / ?

→ **When is your birthday?**

1. on / It's / 5th May / .

→ _____.

2. day / What / is it / today / ?

→ _____?

3. Monday / It's / .

→ _____.

4. time / What / is / it / ?

→ _____?

5. o'clock / It's / three / .

→ _____.

